

Bản án số: 396/2025/HS-PT
Ngày: 18-8-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thương Huyền

Các Thẩm phán: 1/ Bà Đoàn Thị Hương Giang

2/ Bà Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Viễn Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 18/8/2025, tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 254/2025/TLPT-HS, ngày 24/6/2025 đối với bị cáo Nguyễn Cẩm T1 do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 292/2025/HS-ST ngày 15/5/2025 của Tòa án nhân dân Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực H, thành phố Hồ Chí Minh).

Bị cáo: Nguyễn Cẩm T1, sinh ngày 05/11/1992 tại Cà Mau; Thường trú: Khóm S, Phường M, Thành phố M, tỉnh Cà Mau (nay là Khóm S, phường X, tỉnh Cà Mau); Tạm trú: Số M, đường S, phường T, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Số M, đường S, phường K, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 12/12 học; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Bé S; Có chồng là ông N Tasuku và 02 con (con lớn sinh tháng 01 năm 2022 và con nhỏ sinh tháng 01 năm 2025); tiền án, tiền sự: Không;

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm: 1985

Địa chỉ: Xóm D, phường L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (nay là Xóm D, Phường L, tỉnh Đồng Tháp) (Vắng mặt).

Trong vụ án có bị cáo Đỗ Đình Minh V không kháng cáo và vụ án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 25/11/2023, Chị Nguyễn Thị Mỹ L có vay tiền của bị cáo Đỗ Đình Minh V theo hình thức trả góp với lãi suất cao, tổng cộng 12 khoản vay. Từ ngày 07/4/2024 đến ngày đến ngày 06/6/2024 Chị L vay tiền của bị cáo Nguyễn Cẩm T1 07 khoản vay theo hình thức trả góp với lãi suất cao cụ thể như sau:

Ngày 25/11/2023 đến ngày 06/6/2024, Chị L vay của bị cáo V và trả lãi tổng cộng 12 khoản vay cụ thể như sau:

* Khoản 1 (vay góp): Ngày 25/11/2023 vay 100.000.000 đồng góp 10 ngày số tiền 12.000.000 đồng/ngày thành 120.000.000 đồng, tiền lãi 20.000.000 đồng và V trừ trước 01 ngày nên chuyển L 88.000.000 đồng. Từ ngày 25/11/2023 đến ngày 04/12/2023 L đã đóng được 9 ngày là 108.000.000 đồng (thiếu 01 ngày thu đủ khi vay khoản vay mới).

- Tỷ lệ lãi suất: 2.000.000 đồng/ngày, tương đương 720.000.000 đồng/năm (của gốc 100.000.000 đồng), tương đương 720%/năm, gấp 36 lần lãi suất cao nhất quy định tại BLDS.

- Thu lợi hợp pháp: lãi suất cho phép (20%/năm) là 55.555 đồng/ngày x 10 ngày thành 555.555 đồng.

- Thu lợi bất chính: tổng thu lợi 20.000.000 đồng - 555.555 đồng thành 19.444.000 đồng.

* Khoản 2 (vay góp): Ngày 10/12/2023 vay 100.000.000 đồng góp 07 ngày số tiền 17.000.000 đồng/ngày thành 119.000.000 đồng, tiền lãi 19.000.000 đồng và V chuyển 57.000.000 đồng, trừ nợ cũ khoản trước 12.000.000 đồng (đã tính ở trên), trừ trước 02 ngày thu 34.000.000 đồng (còn lại đúng ra 54.000.000 đồng nhưng V tính nhầm thành 57.000.000 đồng, sau đó L đã trả riêng V 3.000.000 đồng vào ngày 01/02/2024). Từ ngày 10/12/2023 đến ngày 18/12/2023, L đóng được 87.000.000 đồng (L nợ 32.000.000 đồng).

- Tỷ lệ lãi suất: 2.111.000 đồng/ngày, tương đương 760.000.000 đồng/năm (của gốc 100.000.000 đồng), tương đương 760%/năm, gấp 38 lần lãi suất cao nhất quy định tại BLDS.

- Thu lợi hợp pháp: lãi suất cho phép (20%/năm) là 55.555 đồng/ngày x 09 ngày thành 499.995 đồng.

- Thu lợi bất chính: tổng thu lợi 19.000.000 đồng - 499.995 đồng thành 18.500.000 đồng.

* Khoản 3 (vay góp): Ngày 18/12/2023 vay 150.000.000 đồng góp 10 ngày số tiền 18.000.000 đồng/ngày thành 180.000.000 đồng, tiền lãi 30.000.000 đồng và V giao 80.000.000 đồng, trừ nợ cũ khoản trước 32.000.000 đồng (đã tính ở trên), trừ trước 01 ngày thu 18.000.000 đồng và thu trước 20.000.000 đồng; Từ

ngày 18/12/2023 đến ngày 27/12/2023, L đã góp được 148.000.000 đồng (L nợ 32.000.000 đồng).

- Tỷ lệ lãi suất: 3.000.000 đồng/ngày, tương đương 1.080.000.000 đồng/năm (của gốc 150.000.000 đồng), tương đương 720%/năm, gấp 36 lần lãi suất cao nhất quy định BLDS.

- Thu lợi hợp pháp: lãi suất cho phép (20%/năm) là 83.333đ/ngày x 10 ngày thành 833.333đ.

- Thu lợi bất chính: tổng thu lợi 30.000.000 đồng - 833.333đ thành 29.166.000 đồng.

* Khoản 4 (vay góp): Ngày 06/01/2024 vay 100.000.000 đồng góp 07 ngày số tiền 17.000.000 đồng/ngày thành 119.000.000 đồng, tiền lãi 19.000.000 đồng, V đã giao 41.500.000 đồng, trừ nợ cũ khoản trước 32.000.000 đồng (đã tính ở trên), trừ trước 01 ngày thu 18.000.000 đồng, thu trước 9.500.000 đồng; Từ ngày 06/01/2024 đến ngày 18/01/2024, L đã đóng số tiền 121.000.000 đồng, trong đó có 2.000.000 đồng phạt trả chậm.

- Tỷ lệ lãi suất: 1.615.000 đồng/ngày, tương đương 581.538.000 đồng/năm (của gốc 100.000.000 đồng), tương đương 581%/năm, gấp 29,05 lần lãi suất cao nhất quy định BLDS.

- Thu lợi hợp pháp: lãi suất cho phép (20%/năm) là 55.555 đồng/ngày x 13 ngày thành 722.215 đồng.

- Thu lợi bất chính: tổng thu lợi 21.000.000 đồng - 722.215 đồng thành 20.277.000 đồng.

* Khoản 5 (vay góp): Ngày 03/02/2024 vay 100.000.000 đồng góp 07 ngày số tiền 17.000.000 đồng/ngày thành 119.000.000 đồng, tiền lãi 19.000.000 đồng, V đã giao 83.000.000 đồng, trừ trước 02 ngày thu 34.000.000 đồng; Từ ngày 03/02/2024 đến ngày 06/02/2024, L góp được 68.000.000 đồng (L nợ 51.000.000 đồng).

- Tỷ lệ lãi suất: 4.750.000 đồng/ngày, tương đương 1.710.000.000 đồng/năm (của gốc 100.000.000 đồng), tương đương 1.710%/năm, gấp 85,5 lần lãi suất cao nhất quy định BLDS.

- Thu lợi hợp pháp: lãi suất cho phép (20%/năm) là 55.555 đồng/ngày x 04 ngày thành 222.220 đồng.

- Thu lợi bất chính: tổng thu lợi 19.000.000 đồng - 222.220 đồng thành 18.777.000 đồng.

* Khoản 6 (vay góp): Ngày 06/02/2024 vay 100.000.000 đồng góp 07 ngày số tiền 17.000.000 đồng/ngày thành 119.000.000 đồng, tiền lãi 19.000.000 đồng, V giao 32.000.000 đồng, trừ nợ cũ 51.000.000 đồng (đã tính ở trên), trừ trước 01 ngày thu 17.000.000 đồng; Từ ngày 06/02/2024 đến ngày 21/02/2024, L góp được 128.000.000 đồng và còn nợ tiền phạt là 69.000.000 đồng (đóng ngày

23/02/2024 là 28.000.000 đồng và ngày 26/02/2024 là 41.000.000 đồng khi nhận các khoản vay mới). Tổng cộng 197.000.000 đồng./.

- Tỷ lệ lãi suất: 6.062.500 đồng/ngày, tương đương 2.182.500.000 đồng/năm (của gốc 100.000.000 đồng), tương đương 2.182%/năm, gấp 109,125 lần lãi suất cao nhất quy định BLDS.

- Thu lợi hợp pháp: lãi suất cho phép (20%/năm) là 55.555 đồng/ngày x 16 ngày thành 888.880 đồng.

- Thu lợi bất chính: tổng thu lợi 97.000.000 đồng - 888.880 đồng thành 96.111.000 đồng.

* Khoản 7 (vay góp): Ngày 23/02/2024 vay 100.000.000 đồng góp 07 ngày số tiền 17.000.000 đồng/ngày thành 119.000.000 đồng, tiền lãi 19.000.000 đồng, V giao 55.000.000 đồng, trừ nợ phạt cũ là 28.000.000 đồng (đã tính ở trên), trừ trước 01 ngày thu 17.000.000 đồng; Từ ngày 23/02/2024 đến ngày 27/02/2024, L góp được 88.500.000 đồng (L nợ 30.500.000 đồng).

- Tỷ lệ lãi suất: 3.800.000 đồng/ngày, tương đương 1.368.000.000 đồng/năm (của gốc 100.000.000 đồng), tương đương 1.368%/năm, gấp 68,4 lần lãi suất cao nhất quy định BLDS.

- Thu lợi hợp pháp: lãi suất cho phép (20%/năm) là 55.555 đồng/ngày x 05 ngày thành 277.775 đồng.

- Thu lợi bất chính: tổng thu lợi 19.000.000 đồng - 277.775 đồng thành 18.722.000 đồng.

* Khoản 8 (vay góp): Ngày 27/02/2024 vay 100.000.000 đồng góp 07 ngày số tiền 17.000.000 đồng/ngày thành 119.000.000 đồng, tiền lãi 19.000.000 đồng, V đã giao 30.000.000 đồng, trừ nợ cũ 30.500.000 đồng (đã tính ở trên), trừ trước 02 ngày thu 34.000.000 đồng (còn nợ L 7.000.000 đồng, đã giao đủ vào ngày 28/02/2024); Từ ngày 27/02/2024 đến ngày 04/3/2024, L đã góp được 119.000.000 đồng.

- Tỷ lệ lãi suất: 2.714.000 đồng/ngày, tương đương 977.142.000 đồng/năm (của gốc 100.000.000 đồng), tương đương 977%/năm, gấp 48,85 lần lãi suất cao nhất quy định BLDS.

- Thu lợi hợp pháp: lãi suất cho phép (20%/năm) là 55.555 đồng/ngày x 5 ngày thành 388.885 đồng.

- Thu lợi bất chính: tổng thu lợi 19.000.000 đồng - 388.885 đồng thành 18.611.000 đồng.

* Khoản 9 (vay góp): Ngày 05/3/2024 vay 100.000.000 đồng góp 07 ngày số tiền 17.000.000 đồng/ngày thành 119.000.000 đồng, tiền lãi 19.000.000 đồng, V đã giao 59.000.000 đồng, trừ nợ cũ của đây ngày 26/02/2024 là 24.000.000 đồng (đã tính riêng ở dưới), trừ trước 01 ngày thu 17.000.000 đồng; Từ ngày 05/3/2024 đến ngày 28/3/2024, L góp chậm thành 24 ngày nên số tiền góp là 161.000.000 đồng, trong đó có 42.000.000 đồng bị phạt trả chậm.

- Tỷ lệ lãi suất: 2.541.666đ/ngày, tương đương 915.000.000 đồng/năm (của gốc 100.000.000 đồng), tương đương 915%/năm, gấp 45,75 lần lãi suất cao nhất quy định BLDS.

- Thu lợi hợp pháp: lãi suất cho phép (20%/năm) là 55.555 đồng/ngày x 24 ngày thành 1.333.320 đồng.

- Thu lợi bất chính: tổng thu lợi 61.000.000 đồng - 1.333.320 đồng thành 59.666.000 đồng.

* Khoản 10 (vay góp): Ngày 26/3/2024 vay 100.000.000 đồng góp 10 ngày số tiền 12.000.000 đồng/ngày thành 120.000.000 đồng, tiền lãi 20.000.000 đồng, V đã giao 64.000.000 đồng, trừ nợ cũ của dây ngày 26/02/2024 là 12.000.000 đồng (đã tính riêng ở dưới), trừ trước 02 ngày thu 24.000.000 đồng; Từ ngày 26/3/2024 đến ngày 07/4/2024, L góp 76.000.000 đồng (L nợ 44.000.000 đồng). Tổng cộng 120.000.000 đồng./.

- Tỷ lệ lãi suất: 2.000.000 đồng/ngày, tương đương 720.000.000 đồng/năm (của gốc 100.000.000 đồng), tương đương 720%/năm, gấp 36 lần lãi suất cao nhất quy định BLDS.

- Thu lợi hợp pháp: lãi suất cho phép (20%/năm) là 55.555 đồng/ngày x 12 ngày thành 668.000 đồng.

- Thu lợi bất chính: tổng thu lợi 20.000.000 đồng – 668.000 thành 19.332.000 đồng.

* Khoản 11 (vay góp): Ngày 28/3/2024 vay 100.000.000 đồng góp 07 ngày số tiền 17.000.000 đồng/ngày thành 119.000.000 đồng, tiền lãi 19.000.000 đồng, V 31.000.000 đồng, trừ nợ cũ của dây 26/3/2024 là 52.000.000 đồng (đã tính ở trên), trừ trước 01 ngày thu 17.000.000 đồng; Từ ngày 28/3/2024 đến ngày 07/4/2024, L góp được 34.000.000 đồng (L nợ 85.000.000 đồng). Tổng cộng 119.000.000 đồng.

Phân L nợ khoản vay 10 số tiền 44.000.000 đồng và khoản vay 11 số tiền 85.000.000 đồng (tổng cộng 129.000.000 đồng) là theo thỏa thuận do L tự tính toán nhưng V tính tổng cộng L đang nợ cả gốc, lãi và tiền phạt trả chậm 02 khoản này tổng cộng là 211.000.000 đồng (sau đó L đã vay Nguyễn Cẩm T1 để trả hết).

- Tỷ lệ lãi suất: 10.769.230 đồng/ngày, tương đương 3.876.923.000 đồng/năm (của gốc 200.000.000 đồng), tương đương 1.938%/năm, gấp 96,92 lần lãi suất cao nhất quy định Bộ luật Dân sự.

- Thu lợi hợp pháp: lãi suất cho phép (20%/năm) là 111.111đ/ngày x 13 ngày thành 1.444.444đồng.

- Thu lợi bất chính: tổng thu lợi 140.000.000 đồng - 1.444.444đ thành 138.555.000 đồng.

* Khoản 12 (vay góp): ngày 26/02/2024 V nói L vay 01 dây 100.000.000 đồng, góp 10 ngày số tiền 12.000.000 đồng/ngày, tiền lãi 20.000.000 đồng của

người tên T3 (chưa xác định được nhân thân lai lịch) để đóng tiền phạt trả chậm nợ cho khoản vay vào tháng Tết (ngày 06/02/2024) là 41.000.000 đồng, thu trước 02 ngày là 24.000.000 đồng, còn lại chuyển 35.000.000 đồng, toàn bộ số tiền trên giao dịch đều thông qua tài khoản của V. Từ ngày 26/02/2024 đến ngày 26/3/2024, L góp được 184.000.000 đồng, trong đó có 64.000.000 đồng bị phạt trả chậm.

- Tỷ lệ lãi suất: 2.800.000 đồng/ngày, tương đương 1.008.000.000 đồng/năm (của gốc 100.000.000 đồng), tương đương 1.008%/năm, gấp 50,4 lần lãi suất cao nhất quy định BLDS.

- Thu lợi hợp pháp: lãi suất cho phép (20%/năm) là 55.555 đồng/ngày x 30 ngày thành 1.666.650 đồng.

- Thu lợi bất chính: tổng thu lợi 84.000.000 đồng - 1.666.650 đồng thành 82.333.000 đồng.

* Tổng cộng 12 khoản vay, tỷ lệ lãi suất từ 720%/năm (gấp 36 lần lãi suất cao nhất quy định Bộ luật dân sự) đến 2.182%/năm (gấp 109,125 lần lãi suất cao nhất quy định Bộ luật dân sự).

* Tổng số tiền thu lợi: 548.327.000 đồng (Năm trăm bốn mươi tám triệu ba trăm hai mươi bảy ngàn đồng)

Tiền thu lợi hợp pháp là: 8.833.000 đồng (Tám triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng);

Như vậy, tổng tiền thu lợi bất chính là: 539.494.000 đồng (Năm trăm ba mươi chín triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

Ngày 07/4/2024 đến ngày 06/6/2024 Chị L vay tiền của bị cáo Nguyễn Cẩm T1 07 khoản vay cụ thể như sau:

Ngày 07/4/2024, V chốt nợ 02 khoản vay số 10 (ngày 26/3/2024) và số 11 (ngày 28/3/2024) tổng số tiền là 211.000.000 đồng. V giới thiệu L chuyển qua vay của T1, cụ thể từ ngày 07/4/2024 đến ngày 06/6/2024, L đã vay của T1 như sau:

Khoản 01: ngày 07/4/2024 T1 cho chị L vay 150.000.000 đồng góp trong 10 ngày, mỗi ngày 18.000.000 đồng thành 180.000.000 đồng, tiền lãi 30.000.000 đồng, nếu không góp được thì đóng 3.600.000 đồng/ngày tiền lãi, chị L đã góp được 06 ngày thành 108.000.000 đồng (thiếu 72.000.000 đồng, đã đóng đủ vào ngày 16/4/2024) và 02 ngày tiền lãi là 7.200.000 đồng.

- Tỷ lệ lãi suất: 3.000.000 đồng/ngày, tương đương 720%/năm, gấp 36 lần lãi suất cao nhất quy định BLDS.

- Thu lợi hợp pháp: lãi suất cho phép (20%/năm) là 83.300 đồng/ngày x 10 ngày thành 830.000 đồng.

- Thu lợi bất chính: tổng thu lợi 37.200.000 đồng - 830.000 đồng thành 36.370.000 đồng.

Khoản 02: ngày 14/4/2024 T1 cho chị L vay 100.000.000 đồng với lãi suất 2.000.000 đồng/ngày chị L đã đóng tiền đến ngày 24/5/2024 là 80.000.000 đồng (nợ tiền gốc là 100.000.000 đồng). Số tiền lãi hợp pháp là 2.226.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 77.774.000 đồng.

- Tỷ lệ lãi suất: 2.000.000 đồng/ngày, tương đương 720.000.000 đồng/năm (của gốc 100.000.000 đồng), tương đương 720%/năm, gấp 36 lần lãi suất cao nhất quy định BLDS.

- Thu lợi hợp pháp: lãi suất cho phép (20%/năm) là 55.555đ x 40 ngày thành 2.226.000 đồng.

- Thu lợi bất chính: tổng thu lợi 80.000.000 đồng - 2.226.000 đồng thành 77.774.000 đồng

Khoản 03: ngày 16/4/2024 T1 cho chị L vay 150.000.000 đồng góp trong 10 ngày, mỗi ngày 18.000.000 đồng thành 180.000.000 đồng, tiền lãi 30.000.000 đồng, nếu không góp được thì đóng 3.600.000 đồng/ngày tiền lãi. T1 đã giao cho L 58.000.000 đồng, sau khi trừ 72.000.000 đồng (khoản vay 01) và thu trước 01 ngày 18.000.000 đồng và 2.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay 2. Chị L đã góp được 05 ngày thành 90.000.000 đồng, nợ 90.000.000 đồng và 05 ngày tiền lãi là 18.000.000 đồng.

- Tỷ lệ lãi suất: 3.000.000 đồng/ngày, tương đương 720%/năm, gấp 36 lần lãi suất cao nhất quy định BLDS.

- Thu lợi hợp pháp: lãi suất cho phép (20%/năm) là 83.300 đồng/ngày x 10 ngày thành 830.000 đồng.

- Thu lợi bất chính: tổng thu lợi 48.000.000 đồng – 830.000 đồng thành 47.170.000 đồng

Khoản 04: Ngày 26/4/2024 T1 cho chị L vay 150.000.000 đồng góp trong 10 ngày, mỗi ngày 18.000.000 đồng thành 180.000.000 đồng, tiền lãi 30.000.000 đồng, nếu không góp được thì đóng 3.600.000 đồng/ngày tiền lãi. T1 đã giao cho L 36.400.000 đồng, sau khi trừ 90.000.000 đồng (nợ của khoản vay 03) và thu trước 01 ngày 18.000.000 đồng, 2.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay 2, trừ 3.600.000 đồng tiền lãi của khoản vay số 3. Chị L đã góp được 05 ngày thành 90.000.000 đồng, (nợ 105.000.000 đồng) và 05 ngày tiền lãi là 18.000.000 đồng.

- Tỷ lệ lãi suất: 3.000.000 đồng/ngày, tương đương 720%/năm, gấp 36 lần lãi suất cao nhất quy định BLDS.

- Thu lợi hợp pháp: lãi suất cho phép (20%/năm) là 83.300 đồng/ngày x 10 ngày thành 830.000 đồng.

- Thu lợi bất chính: tổng thu lợi 48.000.000 đồng – 830.000 đồng thành 47.170.000 đồng

Khoản 05: ngày 07/5/2024 T1 cho chị L vay 150.000.000 đồng góp trong 10 ngày, mỗi ngày 18.000.000 đồng thành 180.000.000 đồng, tiền lãi 30.000.000 đồng, nếu không góp được thì đóng 3.600.000 đồng/ngày tiền lãi. T1 đã giao cho

L 25.000.000 đồng, sau khi trừ 105.000.000 đồng (nợ của khoản vay 04) và thu trước 01 ngày 18.000.000 đồng, 2.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay 2, chị L đã góp được 04 ngày thành 72.000.000 đồng (nợ 114.000.000 đồng) và 06 ngày tiền lãi là 21.600.000 đồng.

- Tỷ lệ lãi suất: 3.000.000 đồng/ngày, tương đương 720%/năm, gấp 36 lần lãi suất cao nhất quy định BLDS.

- Thu lợi hợp pháp: lãi suất cho phép (20%/năm) là 83.300 đồng/ngày x 10 ngày thành 830.000 đồng.

- Thu lợi bất chính: tổng thu lợi 51.600.000 đồng – 830.000 đồng thành 50.770.000 đồng.

Khoản 06: ngày 11/5/2024 T1 cho chị L vay 30.000.000 đồng với lãi suất 600.000 đồng/ngày, chị L đã đóng đến ngày 24/5/2024 là 7.800.000.

- Tỷ lệ lãi suất: 600.000 đồng/ngày, tương đương 240%/năm, gấp 12 lần lãi suất cao nhất quy định BLDS.

- Thu lợi hợp pháp: lãi suất cho phép (20%/năm) là 16.700 đồng/ngày x 13 ngày thành 217.000 đồng.

- Thu lợi bất chính: tổng thu lợi 7.800.000 đồng – 217.000 đồng thành 7.583.000 đồng.

Khoản 07: ngày 17/5/2024 T1 cho chị L vay 200.000.000 đồng, góp 24.000.000 đồng/ngày trong 10 ngày thành 240.000.000 đồng, tiền lãi 40.000.000 đồng, ngày nào không góp thì đóng tiền lãi một ngày là 4.800.000 đồng, T1 đã giao 59.400.000 đồng sau khi trừ 114.000.000 đồng của khoản vay 5, trừ trước 01 ngày là 24.000.000 đồng, trừ 2.000.000 đồng khoản vay số 2 và trừ 600.000 đồng của khoản vay số 6. Chị L đã góp được 04 ngày và đóng lãi đến ngày 31/5/2024 là 144.600.000 đồng, tổng lãi thu được 64.600.000 đồng. T1 còn tính chị L nợ 274.000.000 đồng.

- Tỷ lệ lãi suất: 4.000.000 đồng/ngày, tương đương 720%/năm, gấp 36 lần lãi suất cao nhất quy định BLDS.

- Thu lợi hợp pháp: lãi suất cho phép (20%/năm) là 111.333đ/ngày x 15 ngày thành 1.670.000 đồng.

- Thu lợi bất chính: tổng thu lợi 64.600.000 đồng – 1.670.000 đồng thành 62.930.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền thu lợi bất chính của Nguyễn Cẩm T1 là khoảng 329.767.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 292/2025/HS-ST ngày 15/5/2025 của Tòa án nhân dân Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực H) đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Cẩm T1 phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 2, Khoản 3 Điều 201, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo Nguyễn Cẩm T1 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Cẩm T1 nộp phạt bổ sung số tiền 50.000.000 đồng vào ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo Nguyễn Cẩm T1 nộp 967.200.000 đồng vào Ngân sách nhà nước.

Ngoài ra, bản án hình sự sơ thẩm còn xử phạt Đỗ Đình Minh V 01 năm 06 tháng tù và phạt bổ sung Đỗ Đình Minh V 50.000.000 đồng; tuyên phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, phần án phí, quyền và thời hạn kháng cáo của các bị cáo, người liên quan.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/5/2025, bị cáo Nguyễn Cẩm T1 kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Cẩm T1 thay đổi kháng cáo, xin được phạt tiền và nộp thẻ tiết kiệm tại Ngân hàng ngoại thương Việt Nam, nộp bản sao Huân chương kháng chiến hạng Nhì mà nhà nước tặng cho ông Nguyễn Văn H; các đơn thuốc của các con bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi tóm tắt nội dung, phân tích tính chất vụ án đã đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Cẩm T1 và giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 15/5/2025, Tòa án nhân dân Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực H, Thành phố Hồ Chí Minh) xét xử sơ thẩm vụ án. Ngày 27/5/2025, bị cáo có đơn kháng cáo xin hưởng án treo. Đơn kháng cáo của bị cáo được lập trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận thực hiện hành vi như nội dung bản án sơ thẩm. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy, từ ngày 07/04/2024 đến ngày 06/6/2024, bị cáo đã có hành vi cho chị Nguyễn Thị Mỹ L vay tiền với lãi suất từ 720%/năm tương đương 60%/tháng đã vượt quá lãi suất tối đa được cho phép theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm) 36 lần, đã thu lợi bất chính với số tiền 329.767.000 đồng. Do vậy, Tòa án nhân dân Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực H) xét xử bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật

hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có cơ sở, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo, tại đơn kháng cáo của bị cáo xin được hưởng án treo, tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo xin được phạt tiền là hình phạt chính. Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung thay đổi kháng cáo của bị cáo để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đã áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và xử phạt bị cáo 01 năm 01 năm 03 tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Hội đồng xét xử xét thấy: Thông qua bị cáo V là đồng nghiệp cũ của bị cáo, giới thiệu cho chị L vay tiền của bị cáo T1. Bị cáo phạm tội không có tính chất chuyên nghiệp, không hoạt động dưới hình thức băng, ổ nhóm. Hiện tại, bị cáo đang phải nuôi 02 con nhỏ thường xuyên ốm đau (con lớn 03 tuổi và con nhỏ 07 tháng tuổi); bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu bị khởi tố hình sự và đưa ra xét xử; tội phạm thực hiện là tội ít nghiêm trọng; bị cáo có ông ngoại là người có công với cách mạng, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 35 Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Tòa án nhân dân tối cao áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo thể hiện sự khoan hồng đối với người phạm tội ăn năn hối cải. Do áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền nên không áp dụng phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Lập luận trên đây là căn cứ để không chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm.

[5] Về án phí: Do chấp nhận kháng cáo của bị cáo nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Cẩm T1. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 292/2025/HS-ST ngày 15/5/2025 của Tòa án nhân dân Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực H, Thành phố Hồ Chí Minh).

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 50; Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Cẩm T1 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng).

2. Căn cứ điều 129 Bộ luật tố tụng hình sự.

Phong tỏa số tiền 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng) trong thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số 15474619 tên khách hàng Nguyễn Cẩm T1 tại Ngân hàng T Chi nhánh T, Phòng giao dịch Đ để đảm bảo thi hành hình phạt đối với bị cáo.

3. Bị cáo phải không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- Tòa phúc thẩm TANDTC tại TP.HCM (1)
- VKSNDTC; (1)
- VKSND Tp.HCM; (3)
- VKSND KVH; (1)
- P.PC 53 – CA Tp.HCM; (1)
- Thi hành án dân sự Tp.HCM (1)
- Phòng thi hành án KVH; (1)
- Bị cáo; (1)
- TAND KVH; (1)
- Công an Tp. HCM (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Ủy ban nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (21) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thương Huyền